TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/**2022/HNGĐ-ST
Ngày 10/03/2022
V/v: Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Đức Lâm

2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Huệ-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thuý- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX- ST ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H**,** sinh năm 1997; HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh B; Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 02/07/2021, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại Tòa án nguyên đơn (anh Nguyễn Văn B) trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn được tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H vào ngày 22/11/2018. Gia đình có tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống tại địa phương. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh ở thôn H, xã Đ, huyện H. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã. Đến tháng 3 năm 2021 chị H đã dọn về nhà bố mẹ đẻ của chị H ở, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn, không thể chung sống với nhau được nữa vì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/10/2019, hiện nay cháu A đang ở với chị H, cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu A, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh vì anh xác định đủ điều kiện nuôi con một mình. Trường hợp chị H yêu cầu được nuôi con chung của vợ chồng anh cũng đồng ý, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị H theo quy định của pháp luật và ở mức 1.500.000đ/1 tháng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H là 3.000.000đ/1 tháng. Hiện nay anh đang làm công nhân tại Công ty Sam Sung Thái Nguyên, thu nhập hàng tháng (tiền lương) của anh từ 8 đến 9 triệu đồng. Ngoài ra anh không có nguồn thu nhập nào khác.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền của chị H.

Bị đơn (chị Nguyễn Thị H) trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H vào ngày 22/11/2018. Sau khi cưới thì chị về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh B. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4/2021 đến nay. Nay anh B làm đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, anh B làm đơn xin ly hôn chị đồng ý, đề nghì Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/10/2019, hiện nay cháu A đang ở với chị, cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng, chị yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị, mức cấp dưỡng là 3.000.000đ/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Hiện nay chị không mang thai.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị H xác định vợ chồng có tài sản chung nên yêu cầu Tòa án xem xét chia tài sản chung của vợ chồng, các tài sản chị sẽ liệt kê theo đơn khởi kiện (phản tố) của chị, tại phiên hòa giải, đối chất (ngày 08/12/2021) chị chưa liệt kê được cụ thể. Chị cũng chưa nộp được đơn phản tố, chị sẽ giao nộp cho Tòa án trong thời hạn 15 ngày, nếu chị không nộp đơn phản tố trong thời hạn này thì coi như chị không có yêu cầu chia tài sản trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn chưa chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/10/2019. Anh Nguyễn Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm đồng)/1 tháng, tính từ tháng 3/2022 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007662 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.Anh B còn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về quan hệ tranh chấp:** Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2021 của anh Nguyễn Văn B, đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về thủ tục tố tụng**: Bị đơn là chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự nêu trên.

[3]. **Về nội dung vụ án**:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND Txã Đ, huyện H được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[3.2]. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của anh B thấy rằng*: Qua các chứng cứ, lời khai do các bên xuất trình được biết: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H ngày 22/11/2018, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh B và chị H có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được. Năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặc dù đã được gia đình động viên hòa giải nhưng không thành. Đến tháng 4/2021 chị H đã chuyển ra khỏi nhà anh B, về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh B có đơn xin ly hôn, chị H

xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, anh B có đơn xin ly hôn chị đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Qua xác minh gia đình chị H cũng xác định về tình trạng cuộc sống hôn nhân giữa anh B và chị H, khi chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh B cũng không quan tâm hỏi thăm gì đến vợ con, không thăm nom con. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho anh B được ly hôn chị H là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của anh B cần được chấp nhận.

[3.3]. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng:* Anh B và chị H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/10/2019, hiện nay cháu A đang ở với chị H, cháu bé vẫn phát triển bình thường. Ly hôn anh B đề nghị được trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu A. Trường hợp chị H yểu cầu được nuôi con, anh B đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Quỳnh A vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì người mẹ được trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay chị H vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A. Vì vậy, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng (cháu Nguyễn Quỳnh A) là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Anh B được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].4. *Xét yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của đương sự thấy rằng:* Chị H yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị H, mức cấp dưỡng là 3.000.000đ/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị H theo quy định của pháp luật và ở mức 1.500.000đ/1 tháng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H là 3.000.000đ/1 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao thì mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tối thiểu không dưới ½ mức lương tối thiểu (nay là mức lương cơ sở) do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Hiện nay mức lương cơ sở Nhà nước quy định là 1.490.000đ, tuy nhiên hiện nay để nuôi dưỡng 01 đứa trẻ cần phải chi phí ở mức lớn hơn 1/2 tháng lương cơ sở do nhà nước quy định mới đảm bảo cho đứa trẻ phát triển bình thường. Vì vậy, cần buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị H, mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm đồng)/1 tháng, tính từ tháng 3/2022 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn là phù hợp.

[3.4] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Anh B không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Đối với chị H tại phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải, đối chất ngày 08/12/2021 chị H xác định vợ chồng có tài sản chung, sẽ liệt kê và có đơn phản tố trong thời hạn 15 ngày tiếp theo. Tuy nhiên, chị H không có đơn phản tố về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời hạn đã cam kết và đến nay chị H không có yêu cầu phản tố gì về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy do nguyên đơn không có yêu cầu chia tài sản, bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản, vì vậy Tòa án không xem xét

việc chia tài sản của vợ chồng anh B, chị H trong vụ án này. Nếu đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/10/2019. Anh Nguyễn Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, tính từ tháng 3/2022 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007662 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Anh B còn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Tòa án ND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
-*VKSND huyện Hiệp Hòa;*
- *UBND xã H.*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Toàn